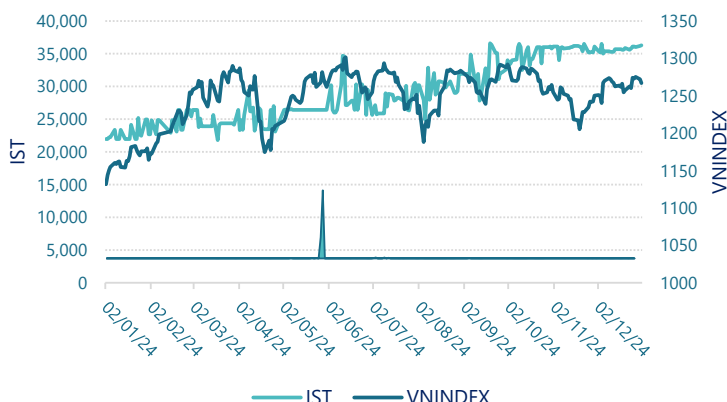


CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần (UPCOM: IST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	36,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,800
SL cổ phiếu LH	15,008,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	640
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	545
P/E	8.3
EPS	4,364

DT thuần

Q4/24

124

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0 | 9.5%

YoY: ▲ 10.0 | 8.5%

LN sau thuế

Q4/24

13.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.80 | -22.1%

YoY: ▼ 0.60 | -4.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

18.6%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2024

455

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 38.0 | 9.2%

LN sau thuế

2024

65.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.6 | 19.3%

ROE

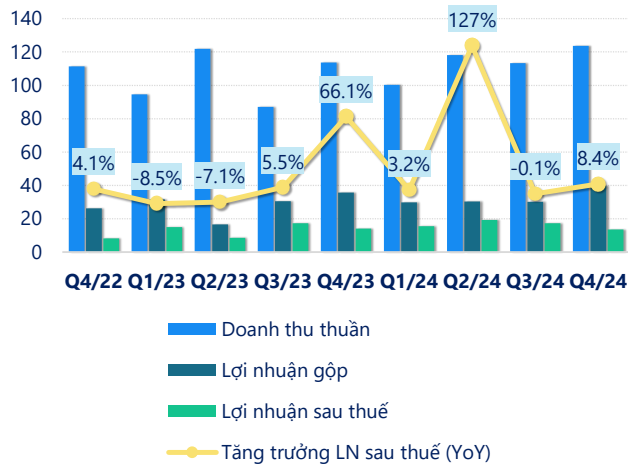
2024

29.1%

+/- YoY: ▲ 2.5%

tỷ VNĐ

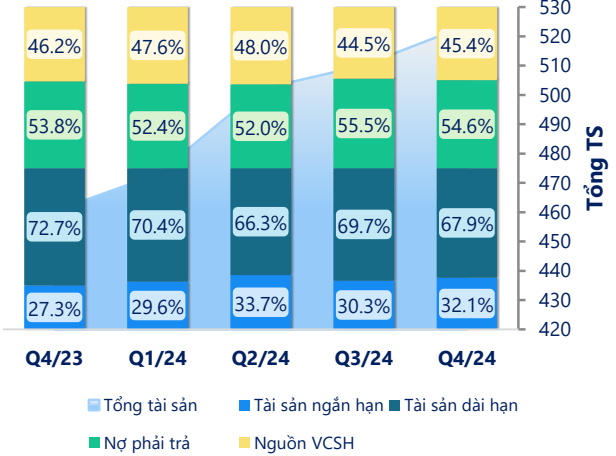
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

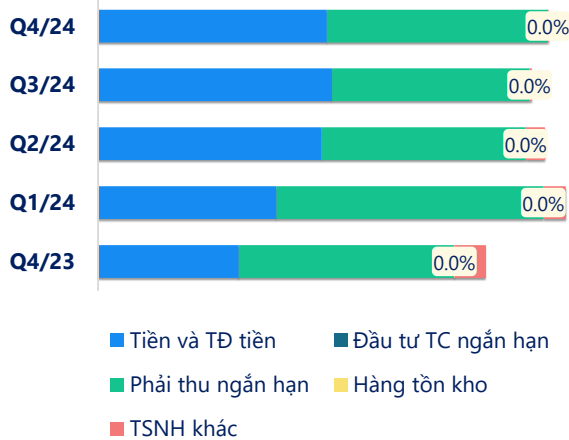
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



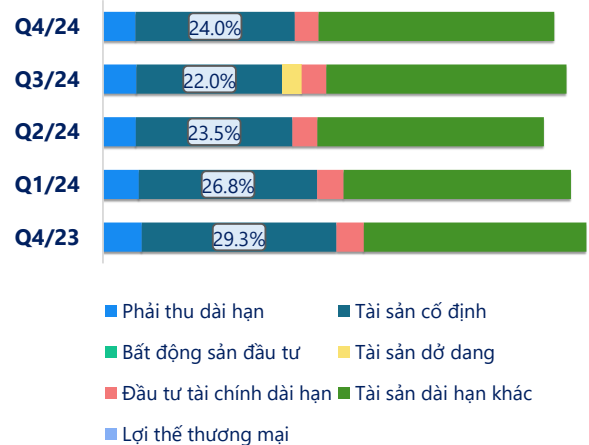
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

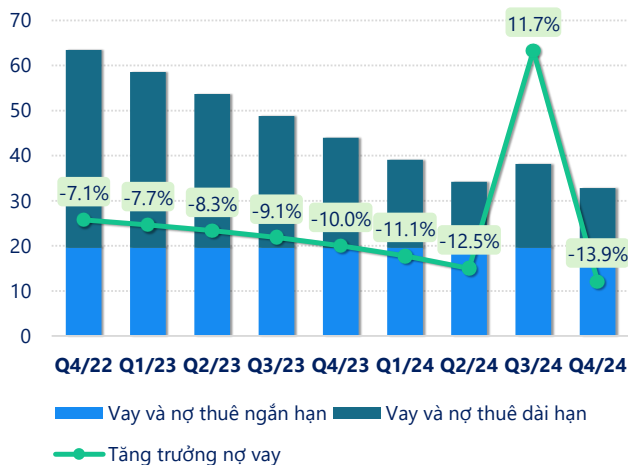
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

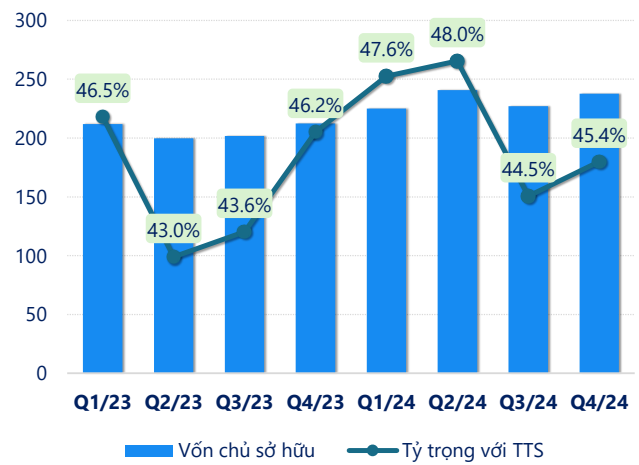
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

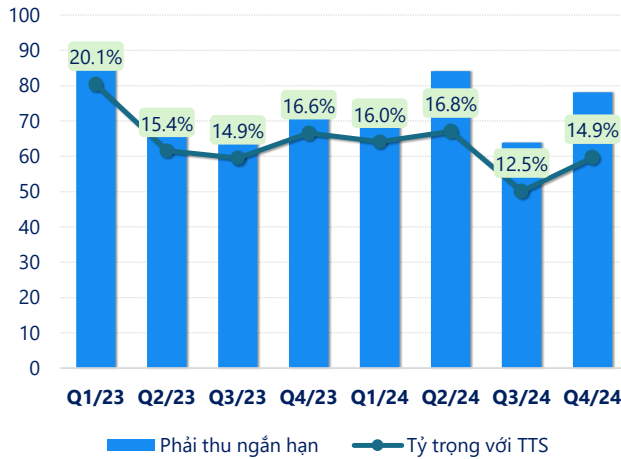
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



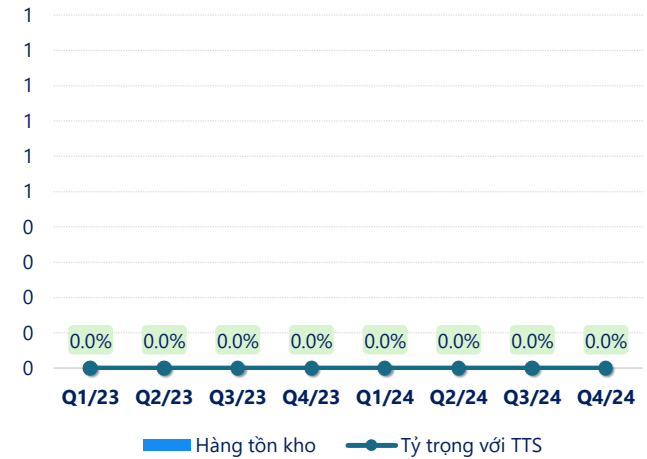
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


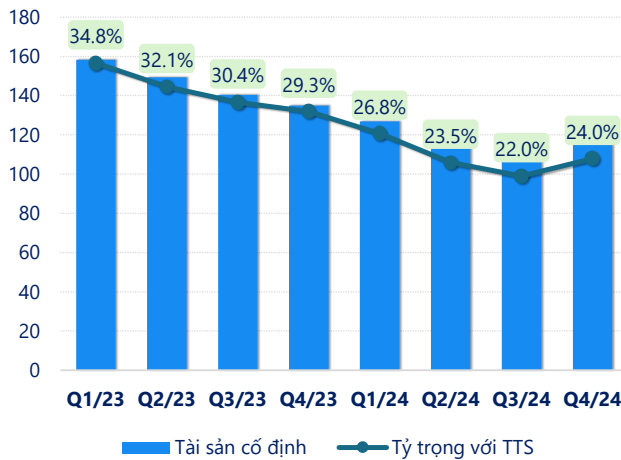
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


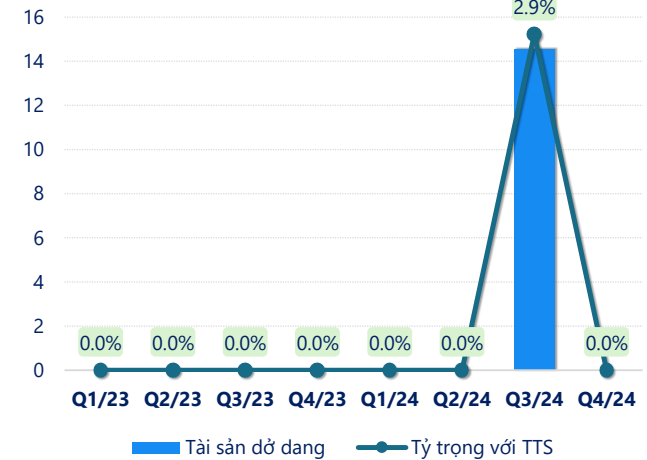
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

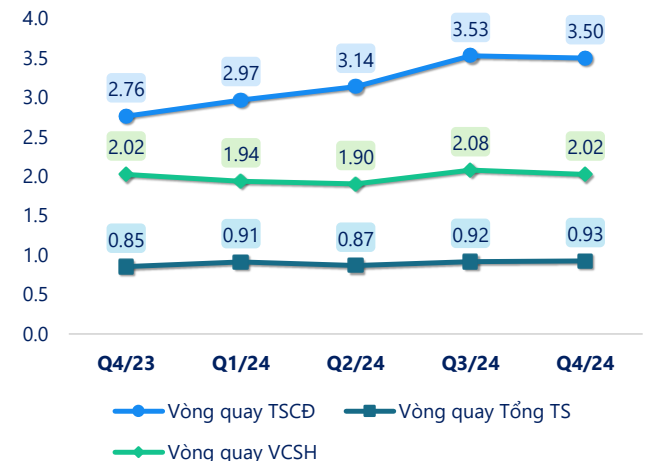
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	460	473	502	510	524
Tài sản ngắn hạn	126	140	169	154	168
Tiền và tương đương tiền	48.7	63.5	84.2	89.8	90.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	76.6	75.8	84.1	63.8	78.1
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0.65	0.56	0.82	0
Tài sản dài hạn	335	333	333	356	356
Phải thu dài hạn	26.8	25.6	25.0	25.7	25.6
Tài sản cố định	135	127	118	112	126
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	14.6	0
Đầu tư tài chính dài hạn	18.8	18.8	18.8	18.8	18.8
Tài sản dài hạn khác	154	162	171	184	186
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	248	248	261	283	286
Nợ ngắn hạn	127	135	156	174	183
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	19.5	19.5	21.3
Phải trả người bán ngắn hạn	39.9	34.3	32.2	33.4	57.0
Nợ dài hạn	121	113	105	109	103
Vay và nợ thuê dài hạn	24.4	19.5	14.7	18.6	11.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	213	225	241	227	238
Vốn chủ sở hữu	213	225	241	227	238
Vốn điều lệ	120	120	120	120	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)